

Bản án số: 150/2020/HS-ST
Ngày 24-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn
2. Bà Hoàng Thị Lê Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 68/2020/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2020/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Danh P, sinh năm 1992 tại Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh H (đã chết) và bà Lê Thị Thúy H (sinh năm 1966); Vợ là Lê Thị Ngọc Tr (sinh năm 1996); có 02 con: con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 09/4/2010, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án Hình sự số 83/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 19-01-2014.

Bị bắt ngày 18-01-2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Có mặt).

Bị hại: Ông Trần Đức H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: đường Ng, phường Th, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Đường Ph, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Đường T, phường Th, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ường B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14-01-2020, anh Trần Đức H đặt từ công ty TNHH D 02 thùng thuốc Amfaneo, mỗi thùng gồm 396 hộp thuốc Amfaneo Alphachymotrypsin 21 mircokatals, mỗi hộp gồm 20 viên thuốc. Sản xuất và phân phối bởi Công ty CPDP Ampharco U.S.A, Khu công nghiệp N, xã H, huyện N, tỉnh Đ. Anh H nhờ giao thuốc đến nhà thuốc Th; địa chỉ: đường Ng, phường Th, thành phố V của bà Dương Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: đường T, phường Th, thành phố V để ông H ghé qua lấy sau. Sáng ngày 15-01-2020, bà L nhận được 02 thùng thuốc trên và để ở trước cửa tiệm thuốc chờ ông H qua lấy.

Khoảng 09 giờ 40 ngày 15-01-2020, Danh P điều khiển xe mô tô kiểu dáng MAX, vỏ màu đỏ, bánh mâm trắng, Biển kiểm soát: 72S1-5703 đến trước tiệm thuốc Th, thấy trước cửa tiệm có để hai thùng thuốc không có ai trông coi quản lý nên P đã lén lút chiếm đoạt 01 thùng thuốc rồi đem bán cho anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1984, Hộ khẩu thường trú: đường P, Phường H, thành phố V (là chủ nhà thuốc Phước Th, địa chỉ: 27 đường Phước Th, Phường H, thành phố V). Anh V kiểm tra thấy có hóa đơn, phiếu kiểm nghiệm kèm theo nên nghĩ tài sản trên có nguồn gốc rõ ràng và đồng ý mua với giá 9.000.000 đồng. Số tiền trên P đem về cất ở nhà trọ tại địa chỉ Đường B, Phường H, thành phố V và không nói cho ai biết. Khi phát hiện bị mất tài sản, chị L đến Cơ quan Công an phường Th, thành phố V trình báo. Qua rà soát, xác minh công an phường Th đã mời Danh P đến làm việc và P đã khai nhận mình là người thực hiện vụ trộm cắp 01 thùng thuốc trên. Khi được mới lên làm việc, P đã nhờ vợ mình là chị Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1996; địa chỉ: Đường B, Phường H, thành phố V mang tiền mà P đã cất trong tủ trả lại cho anh V.

Theo Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG-TTHS ngày 18-02-2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố V thì giá trị của 01 thùng thuốc gồm 396 hộp thuốc Amfaneo Alphachymotrypsin 21 mircokatals, mỗi hộp gồm 20 viên thuốc, trị giá 12.672.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Danh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

+ 01 thùng thuốc gồm 396 hộp thuốc Amfaneo Alphachymotrypsin 21 mircokatals, mỗi hộp gồm 20 viên thuốc. Sản xuất và phân phối bởi công ty CPDP Ampharco U.S.A, khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai bị Danh P chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã ra quyết định trả số tài sản trên cho anh Trần Đức H.

+ 01 xe mô tô biển số 72S1-5703, số máy VLFBPD1P50FMG35A1A8029, số khung RPDDCG69PD5A0A8029. Qua xác minh, xe mô tô trên thuộc sở hữu của ông Mai Xuân Th, sinh năm 1966, địa chỉ: ấp H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Th bán xe này đã lâu, không nhớ bán cho ai và không còn yêu cầu gì về xe mô tô trên. Tài sản trên hiện đã chuyển Cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố V quản lý.

Về trách nhiệm Dân sự: Anh H đã nhận lại tài sản là 01 thùng thuốc gồm 396 hộp thuốc Amfaneo Alphachymotrypsin 21 mircokatal, mỗi hộp gồm 20 viên thuốc và không yêu cầu gì thêm.

Danh P đã tác động gia đình trả lại 9.000.000đ (là số tiền anh V đã bỏ ra để mua thùng thuốc mà P đã trộm cắp) cho anh Nguyễn Hữu V. Anh V không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 127/CT-VKSVT ngày 05/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố Danh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 01 năm 2020.

Xử lý vật chứng: 01 xe máy biển số 72S1-5703, số máy VLFBPD1P5FMG35A 1A8029, số khung RPD DCG9PD5A0A8029. Do không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp là ai nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 15-01-2020, tại tiệm thuốc Th; địa chỉ: số A đường Ng, phường Th, thành phố V. Lợi dụng lúc chủ tiệm thuốc sơ hở, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của anh Trần Đức H một thùng thuốc gồm 396 hộp thuốc Amfaneo Alphachymotrypsin 21 mircokatala (mỗi hộp gồm 20 viên thuốc) có giá trị là 12.672.000 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V.

[3] Nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra:

Tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý bức xúc cho nhân dân trong cộng đồng dân cư.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “*Cướp tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học tu sửa bản thân, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện bị cáo là người khó cải tạo, xem thường Pháp luật. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm Hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm Pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên áp dụng điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người liên quan đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 72S1-5703, số máy VLFBPD1P50FMG35A1A8029, số khung RPDDCG9PD5A0A8029. Qua xác minh và đăng tìm chủ sở hữu đối với xe thì không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với chiếc xe này là ai nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

1. Tuyên bố: bị cáo **Danh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Xử phạt: Bị cáo Danh P 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 01 năm 2020.

2. Xử lý vật chứng:

Tịch thu Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô biển số 72S1-5703, số máy VLFBPD1P50FMG35A1A8029, số khung RPDDCG9PD5A0A8029.

Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 105/BB.THA ngày 07 tháng 4 năm 2020.

3. Án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (đối với người có mặt tại phiên tòa); tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai (đối với người vắng mặt tại phiên tòa), để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Xuân Miện

Nguyễn Đắc Liệt

Lê Thị Thanh

